

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2303/12

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Kiều Kỵ  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 03/03/2023  
**Ngày phân tích** : 03/03/2023 đến 16/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	6,95	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,21	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	< 0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	< 5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	< 0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH	< 3	ISO 9308-1:2014/
8. (*)	E.Coli		KPH	< 1	Amd 1:2016

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định  
- QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyên gia Công nghệ.
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ

## PHIẾU TRẢ KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: N2303/13

**Đơn vị gửi mẫu** : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI  
**Địa chỉ** : Km số 01, đường Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ lấy mẫu** : Trạm cấp nước Kiều Ky - ngoài mạng  
**Tình trạng mẫu** : Mỗi mẫu nước đựng trong chai nhựa PE, chai thủy tinh có nắp vặn; bảo quản lạnh  
**Số lượng mẫu** : 01  
**Ngày nhận mẫu** : 03/03/2023  
**Ngày phân tích** : 03/03/2023 đến 16/03/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH	-	6,79	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Clo dư	mg/L	0,21	0,2 – 1,0	SMEWW 4500-Cl-G:2017
3.	Độ đục	NTU	< 0,2	2	TCVN 6184:2008
4.	Màu sắc	TCU	< 5	15	TCVN 6185:2015
5.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	PP.MV.01 Ref: SMEWW 2150:2017 & PP.MV.02 Ref: SMEWW 2160:2017
6.	Asen (As)	mg/L	< 0,002	0,01	US EPA 200.8
7. (*)	Coliform tổng số	CFU/100mL	KPH	< 3	ISO 9308-1:2014/
8. (*)	E.Coli	100mL	KPH	< 1	Amd 1:2016

**Ghi chú:** - KPH: Không phát hiện - Dấu "-": Không quy định  
 - QCVN 01-1:2018/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

QA/QC



Phạm Thị Trà

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2023

 KT. GIÁM ĐỐC  
 PHÓ GIÁM ĐỐC


Bùi Quang Minh

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu được gửi đến Trung tâm hoặc do Trung tâm lấy mẫu có Biên bản lấy mẫu kèm theo.
- Không được trích sao kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của của Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ
- Trung tâm không tiếp nhận khiếu nại trong trường hợp không còn mẫu lưu hay quá thời gian lưu mẫu.
- Thời gian lưu mẫu tối đa 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.
- Các chỉ tiêu đánh dấu (\*) được thực hiện bởi nhà thầu phụ